TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 388/2019/QĐST-HNGĐ	*Thuỷ Nguyên, ngày 26 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN T NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn N và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 549/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Anh Đào Đức N; địa chỉ: Thôn 11, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng và chị Trần Thị T; địa chỉ: Số 231 Phố B, thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên (nay là Số 231 Phố B, phường B, huyện M, tỉnh Hưng Yên).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn N: Anh Đào Đức N và chị Trần Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên vào ngày 06 tháng 7 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Anh Đào Đức N và chị Trần Thị T thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Đào Đức N và chị Trần Thị T có 01 con chung tên Đào Anh K, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2016. Hai bên thỏa thuận chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Đào Đức N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị T mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận của anh Đào Đức N và chị Trần Thị T là hoàn toàn tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chung nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Đào Đức N và chị Trần Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Đào Đức N nhận nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là tự nguyện nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn N: Anh Đào Đức N và chị Trần Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đào Anh K, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đào Đức N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị T mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh Đào Đức N chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Đào Đức N và chị Trần Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đào Đức N nhận nộp cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002757 ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Anh Đào Đức N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát N dân h. T Nguyên;
- Chi cục THADS huyện T Nguyên;
- UBND thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên (Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2015 ngày 06/7/2015);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hà